

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v “Ly hôn, chia tài sản
chung khi ly hôn và đòi lại tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thiện Bửu;
2. Bà Nguyễn Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, về việc “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Tô M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn D – VPLS Chí Công – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: 113B khóm Tân Đông, thị trấn Th, huyện Th, Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1990.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: khóm 3, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khóm 3, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp.

3.2. Ông Phạm Bảo G, sinh năm 1940.

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Phú T, huyện H, huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp Phú T, xã Phú T, huyện H, Đồng Tháp.

4.2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp Phú T, xã Phú T, huyện H, Đồng Tháp.

4.3. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 65, đường Trần Hưng Đạo, khóm 4, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp.

4.4. Anh Lê Vũ P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm 4, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Phạm Tô M trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng tháng 8 năm 2020, anh và chị H quen biết, tự tìm hiểu nhau, sau đó đi đến hôn nhân, mới tổ chức đám nói (đính hôn) ra mắt hai họ theo phong tục tập quán địa phương chứ chưa có đăng ký kết hôn. Đến đầu năm 2022, vợ chồng có những vấn đề không đồng thuận trong sinh hoạt cũng như việc làm, lối sống, thường hay xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Anh phát hiện chị H không trung thực trong quản lý và cất giữ tài sản mà anh đã giao cho chị H, từ đó tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay hai bên đều có cuộc sống và kinh tế riêng. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích H. Anh M thừa nhận trước khi tổ chức Lễ đính hôn thì chị H còn là con gái và anh đã có quan hệ tình cảm trai gái với chị H sau khi đính hôn xong.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Gồm 10 (Mười) lượng vàng 24kara 10 tuổi là vàng sinh lễ trong ngày Lễ đính hôn, hiện chị H đang quản lý. Anh M yêu cầu chị H chia đôi giá trị tài sản trên cho anh được hưởng phân nửa là 265.000.000đồng (giá vàng 5.300.000đ/chỉ). Anh M xác định 10 (Mười) lượng vàng 24kara 10 tuổi mà bên nhà trai tuyên bố cho bên nhà gái trong ngày Lễ đính hôn là tài sản của cha anh tên Phạm Bảo G đã cho hai vợ chồng trong ngày Lễ đính hôn.

Về tài sản riêng: 01 (Một) tủ quần áo bằng gỗ thông, giá 9.500.000đồng; 01 (Một) Bộ bàn ăn bằng gỗ thông (gồm 01 bàn và 06 ghế), giá 6.000.000đồng; 01 (Một) Giường ngủ bằng gỗ thông, giá 7.000.000đồng là tài sản riêng của anh, vào thời điểm anh dọn nhà không có chỗ để nên anh mới để tạm nhà bà Nguyễn Thị Bích D (mẹ ruột chị H), hiện bà D đang quản lý. Nay anh yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích D trả lại giá trị các tài sản trên cho anh với tổng giá trị là 22.500.000đồng.

Riêng 01 (Một) cái Ipad pro mà anh đã cho chị H trước ngày đính hôn; 01 (Một) cặp nhẫn cưới vàng 02 (Hai) chỉ vàng 18 kara; Số tiền mặt 50.000.000đồng là tiền đồng trong ngày Lễ đính hôn; Tiền kinh doanh cá bột là 39.000.000đồng; Tiền kinh doanh cá giống là 200.000.000đồng; 01 (Một) Laptop hiệu Dell; 01 (Một) ông Thần Tài bằng vàng, trọng lượng 01 (Một) chỉ vàng SJC; 01 (Một) Iphone 11pro; 01 (Một) Ti vi Smart TV Samsung 50 in; 01 (Một) Máy giặt

Samsung Inverter; 01 (Một) Máy quạt điều hòa Boss S -102; 01 (Một) bếp ga Rinnai; 01 (Một) Máy bơm nước rửa xe áp lực Karcher k2 – 360 thì anh tự nguyện rút lại yêu cầu về các tài sản này đối với chị Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Bích D.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2020, chị và anh M có quen biết, tìm hiểu và thương yêu nhau, anh M trước đây từng kết hôn và có 02 người con nhưng đã ly hôn, còn chị chưa từng kết hôn với ai. Sau khi hai bên gia đình chấp thuận thì vào ngày 13/12/2020 có tổ chức Lễ đính hôn. Sau khi đính hôn do điều kiện công việc nên hai vợ chồng không về sống chung với nhau. Trong thời gian này anh M có xây một căn nhà tại đường Lê Thị Hồng G, phường An T, thành phố H. Do anh M thường xuyên vắng nhà nên anh M có nhờ chị trông coi quét dọn và định sau này hai vợ chồng về sống chung tại căn nhà này. Đến tháng 7/2021 khi tình hình Dịch bệnh phức tạp thì anh M ít quan tâm đến chị và không tới lui trong thời gian nhiều tháng. Chị phát hiện anh M nhắn tin và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi phát hiện chị có báo với gia đình anh M, anh M thừa nhận và có xin lỗi chị cùng gia đình chị, gia đình chị và chị cũng tạo điều kiện hàn gắn nên đã tha thứ cho anh M. Nhưng sau đó anh M vẫn tiếp tục qua lại với người phụ nữ đó, chị đến nhà tại đường Lê Thị Hồng G thì phát hiện rất nhiều đồ dùng của người phụ nữ này. Anh M có nhờ hai người bạn đến để nắn nỉ chị và gia đình chị, anh M xin lỗi và hứa sẽ sửa đổi, lần này cũng được gia đình chị tha thứ, qua nhiều lần như vậy nay chị không còn tình cảm gì với anh M nữa. Việc anh M yêu cầu xin ly hôn là không đúng vì chị và anh M chưa đăng ký kết hôn chỉ có tổ chức Lễ đính hôn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận chị và anh M là vợ chồng chứ không phải là ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong ngày đính hôn cha mẹ anh M là đại diện bên nhà trai có trình một số lễ vật để tặng cho chị bao gồm: Dây chuyền, kiềng, bông tai, vòng đeo tay, tổng cộng trọng lượng là 10 (Mười) lượng vàng 24kara 10T. Đến khoảng tháng 6/2021, anh M có đề nghị hỏi mượn lại chị 06 (Sáu) lượng vàng (trong phần 10 lượng vàng mà gia đình anh M tặng chị trong ngày đính hôn) để phục vụ kinh doanh, anh M hứa sẽ mua và trả lại cho chị nên chị đồng ý giao cho anh M mượn số vàng này. Hiện nay chị chỉ còn quản lý 04 (Bốn) lượng vàng 24kara 10T. Do anh M là người có lỗi trong quan hệ hôn nhân giữa chị với anh M, anh M đã chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng mới dẫn đến việc chị và anh M không đi đến đám cưới. Do đó, chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của anh M. Đồng thời xác định việc chị cho anh M mượn lại 06 (Sáu) lượng vàng 24kara loại 10 tuổi thì chỉ có chị và anh M biết chứ không có ai biết, chị không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này nên chị không có yêu cầu gì về 06 (Sáu) lượng vàng này với anh M. Trước khi tổ chức lễ đính hôn thì chị H còn là con gái, chị và anh M đã có quan hệ tình cảm trai gái sau khi đính hôn xong nên chị đã bị thiệt thòi nhưng chị không yêu cầu gì với anh M về việc này trong vụ án này. Nay anh

M đòi chia tài sản chung là vô lý. Riêng những tài sản anh M tự nguyện rút lại yêu cầu thì chị không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Không có.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:* Hiện nay con gái bà là Nguyễn Thị Bích H đang sống chung trong nhà của bà. Các tài sản như tủ quần áo bằng gỗ thông giá trị 9.500.000đồng; Bộ bàn ăn bằng gỗ thông (gồm 01 bàn và 06 ghế), giá 6.000.000đồng; Giường ngủ bằng gỗ thông, giá 7.000.000đồng là hiện bà đang quản lý. Nhưng những tài sản này là do anh M lúc bị đuổi ra khỏi nhà đã kêu cho bà, kêu bà chở về nhà sử dụng chứ không còn là tài sản của anh M nên bà không đồng ý trả lại giá trị các tài sản trên theo yêu cầu của anh M. Vì anh M có gọi điện cho bà nói rằng anh có mâu thuẫn và thất bại trong việc kinh doanh nhưng bà không rõ chi tiết là việc gì, anh suy sụp và phải dọn đồ ra khỏi căn nhà tại đường Lê Thị Hồng G trong vòng 01 ngày để trả căn nhà lại cho người khác. Anh đề nghị tặng cho gia đình bà một số vật dụng gồm 01 tủ quần áo bằng gỗ thông, 01 bộ bàn ghế phòng ăn bằng gỗ thông, 01 giường ngủ bằng gỗ thông để mang về gia đình bà sử dụng. Ban đầu bà có ý định từ chối nhưng anh M có trình bày là anh đã di dời một số đồ đạc về bên nhà cũ tại ấp Phú T, xã Phú T, huyện H, Đồng Tháp, còn những vật dụng này nếu anh tặng cho mà gia đình bà không nhận thì anh cũng sẽ bỏ đi nên gia đình bà chấp nhận và đem về để sử dụng cho đến nay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Bảo G trình bày:* Khoảng tháng 8 năm 2020 con ông là Phạm Tô M và cô Nguyễn Thị Bích H có quen nhau và có ý định đi đến hôn nhân, có bàn bạc với hai bên gia đình thống nhất nên vào khoảng đầu tháng 12 năm 2020 hai bên gia đình tổ chức Lễ hỏi cưới (Lễ đính hôn), trong ngày Lễ hỏi cưới gia đình ông có đi Lễ cho hai đứa Tô M và Bích Hạnh gồm có: Vàng 9999 (vàng 24kara 10 tuổi) là 10 lượng (100 chỉ vàng); Vàng 18kara là 02 chỉ (Hai chiếc nhẫn cưới); Tiền mặt 50.000.000đồng và một số mâm quả khác. Số vàng và tiền trên là của gia đình ông (của ông Phạm Bảo G) cho hai cháu Tô M và Bích H để sau này có vốn làm ăn. Mục đích là cho chung hai cháu Tô M và Bích Hạnh chứ không cho riêng ai. Hiện tại ông không có yêu cầu gì đối với số tài sản (sính lễ) nêu trên với Phạm Tô M và Nguyễn Thị Bích H trong vụ án này.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 91, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Tô M với chị Nguyễn Thị Bích H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Phạm Tô M về việc yêu cầu chia tài sản chung là 10 (Mười) lượng vàng 24Kara 10T vì lỗi là do anh M sau khi đính hôn với chị H lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chỉ chấp nhận chia theo tỷ lệ 3/7. Buộc chị Nguyễn Thị Bích H chia tài sản chung cho anh Phạm Tô M giá trị 03 (Ba) lượng vàng 24Kara 10T là 159.000.000đồng.

Chị H không có yêu cầu gì với anh M về 06 (Sáu) lượng vàng 24kara 10T mà chị đã cho anh M mượn nên không xem xét.

Ông Phạm Bảo G không có yêu cầu gì với anh M và chị H về 10 lượng vàng 24kara 10T nên không xem xét.

Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Tô M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích D trả lại giá trị tài sản cho anh là 22.500.000đồng (gồm giá trị một tủ quần áo bằng gỗ thông; Một bộ bàn ăn bằng gỗ thông (gồm 01 bàn và 06 ghế); Một giường ngủ bằng gỗ thông).

Đình chỉ yêu cầu của anh Phạm Tô M về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Bích D chia và trả cho anh 01 (Một) cái Ipad pro; 01 (Một) cặp nhẫn cưới vàng 02 (Hai) chỉ vàng 18 kara; Số tiền mặt 50.000.000đồng; Tiền kinh doanh cá bột là 39.000.000đồng; Tiền kinh doanh cá giống là 200.000.000đồng; 01 (Một) Laptop hiệu Dell; 01 (Một) ông Thần Tài bằng vàng, trọng lượng 01 (Một) chỉ vàng SJC; 01 (Một) Iphone 11pro; 01 (Một) Ti vi Smart TV Samsung 50 in; 01 (Một) Máy giặt Samsung Inverter; 01 (Một) Máy quạt điều hòa Boss S -102; 01 (Một) bếp ga Rinnai; 01 (Một) Máy bơm nước rửa xe áp lực Karcher k2 – 360.

- *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm:* Anh M và chị H mới tổ chức Lễ đính hôn, chưa đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh M và chị H là vợ chồng; Về phần tài sản chung là 10 (Mười) lượng vàng 24Kara 10T thì gia đình anh M cho là cho chung anh M với chị H, mặc dù chị H cho rằng có cho anh M mượn lại 06 (Sáu) lượng vàng 24Kara 10T nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung của anh M. Đối với một tủ quần áo bằng gỗ thông, một bộ bàn ăn bằng gỗ thông (gồm 01 bàn và 06 ghế), một giường ngủ bằng gỗ thông thì đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh M, buộc bà D trả lại giá trị các tài sản trên cho anh M là 22.500.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn và đòi lại tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông Phạm Bảo G, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Thanh P, anh Lê Vũ P đều có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Bảo G, ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Thanh P, anh Lê Vũ P là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Phạm Tô M với chị Nguyễn Thị Bích H. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Về hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn. Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Như vậy theo quy định này thì giữa nam và nữ sẽ chỉ xác định quan hệ hôn nhân sau khi hai bên đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, quan hệ hôn nhân giữa nam và nữ cũng chỉ được pháp luật bảo vệ khi phù hợp với các quy định về hôn nhân gia đình. Nên việc đính hôn trên thực tế không làm phát sinh quan hệ hôn nhân mà nó chỉ là một phong tục được thực hiện để tạo niềm tin cho hai bên gia đình. Anh M và chị H chỉ mới tổ chức Lễ đính hôn chứ chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân giữa anh Phạm Tô M và chị Nguyễn Thị Bích H là hôn nhân không hợp pháp vì anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.”

Do đó, việc anh M yêu cầu xin ly hôn với chị H là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy không công nhận anh M và chị H là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung: Xét yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn anh Phạm Tô M với chị Nguyễn Thị Bích H. Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh M xác định vào ngày Lễ đính hôn gia đình nhà trai cho sính lễ cho nhà gái là 10 (Mười) lượng vàng 24kara 10T và số vàng này là của cha anh tên Phạm Bảo G đã cho hai vợ chồng anh để làm vốn làm ăn sau này. Chị H cho rằng số vàng trên là do gia đình anh M cho riêng chị H nhưng chị H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc này. Do đó xác định 10 (Mười) lượng vàng 24kara 10T này là tài sản chung của anh M và chị H. Nên việc chị H không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản chung của anh M là không phù hợp.

Chị H cho rằng chị có cho anh M mượn lại 06 (Sáu) lượng vàng 24kara loại 10 tuổi trong phần 10 (Mười) lượng vàng 24kara 10T nói trên nhưng khi cho mượn thì chỉ có chị và anh M biết chứ không có ai biết, chị cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này. Do đó, chị H phải có trách nhiệm chia 10 (Mười) lượng vàng 24kara 10T cho anh M.

Nhưng anh M thừa nhận rằng việc anh có quan hệ tình cảm với ai khác ngoài chị H thì đó là quyền cá nhân của anh M. Chị H cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là các đoạn ghi âm nội dung ghi lại cuộc nói chuyện giữa ba, mẹ chị H và anh M và các video ghi hình trích xuất từ camera đặt tại biệt thự đường Lê Thị Hồng G. Về nội dung của các đoạn ghi âm anh M cho rằng thời gian quá lâu nên anh không nhớ là có mặt và có nói chuyện trong đoạn ghi âm không và cũng không nhớ nội dung nói gì; Về nội dung của các video ghi hình trích xuất từ camera đặt tại biệt thự đường Lê Thị Hồng G thì anh M thừa nhận người trong video là anh M và chị Tô Thị Thiên T. Anh M cho rằng thời điểm đó chị Thiên T là kế toán của khách sạn Sky (phường An T, thành phố H), giữa anh M và chị Thiên T quen biết nhau trong việc làm ăn nên chị Thiên T thường đến biệt thự của anh để trao đổi công việc và giao giấy tờ. Nhưng từ hình ảnh và âm thanh của camera cho thấy chị Thiên T thường xuyên đến biệt thự của anh M vào thời gian rất khuya từ 21 giờ, đến 23 giờ, đến 00 giờ của ngày hôm trước và ra về vào sáng sớm ngày hôm sau, từ trong biệt thự đi ra lúc 09 giờ của ngày hôm sau. Thời điểm chị Thiên T đến nhà thì chị có chìa khoá nhà để tự mở cửa vào biệt thự và sáng hôm sau cũng tự mở cửa đi ra về. Lúc chị Thiên T đến là 00 giờ ngày 16/01/2022 thì trong hình chỉ có mặt một mình anh M, lúc này anh M mặc quần ngắn và ở trần (không mặc áo), thời gian này chỉ có mặt anh M và chị Thiên T nên đây không thể nào là việc trao đổi công việc như anh M đã trình bày. Do đó, việc anh M cho rằng chị Thiên T là bạn đến nhà để trao đổi việc làm ăn và giao giấy tờ là không đúng.

Mặc dù anh M không thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong giai đoạn đã đính hôn với chị H và đang chờ đám cưới và không thừa nhận lời khai của anh Nguyễn Thanh P và anh Lê Vũ P khi Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của hai người này tại phiên tòa. Nhưng theo Biên bản lấy lời khai cùng ngày 26/6/2023 thì anh Nguyễn Thanh P là bạn của anh M xác nhận: Anh có cùng anh M và anh Lê Vũ P đến nhà của cha mẹ chị H để năn nỉ tiếp cho anh M vì anh M đang đính hôn với chị H mà lại có quan hệ tình cảm với chị Tô Thị Thiên T, mục đích anh đến là để hàn gắn tình cảm cho anh M và chị H nhưng gia đình chị H và chị H không đồng ý vì anh M là người có lỗi; Còn anh Lê Vũ P xác nhận: Anh có cùng anh M và anh Nguyễn Thanh P đến nhà của cha mẹ chị H để hàn gắn tình cảm cho anh M và chị H vì anh M đang đính hôn với chị H mà lại cặp bồ (có quan hệ tình cảm với chị Tô Thị Thiên T) bị gia đình chị H biết nên anh M năn nỉ anh và anh Thanh P đến nhà gia đình chị H để năn nỉ tiếp, mục đích là để hàn gắn tình cảm để tiếp tục đám cưới. Nhưng khi anh cùng anh Thanh P năn nỉ xong, gia đình chị H bỏ qua lỗi cho anh M thì anh M vẫn tiếp tục cặp bồ với chị Thiên T tiếp, lỗi rõ ràng là của anh M vì anh M là người quan hệ tay ba, chị Thiên T là người ngang nhà của chị H, anh M làm vậy thì cũng tội cho chị H. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của anh Nguyễn Thanh P và anh Lê Vũ P là chứng cứ khách quan, trung thực

nên xác định việc anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong giai đoạn đã đính hôn với chị H và đang chờ đám cưới là có thật. Như vậy, trong vụ việc này anh M là người có lỗi dẫn đến việc đám cưới không diễn ra.

Anh M thừa nhận rằng trước khi tổ chức Lễ đính hôn thì chị H còn là con gái và anh đã có quan hệ tình cảm trai gái với chị H sau khi đính hôn xong. Việc anh M và chị H đã có quan hệ tình cảm trai gái với nhau là tự nguyện nhưng trước khi tổ chức Lễ đính hôn thì chị H còn là con gái nên xét về mặt đạo lý anh M đã lấy đi ‘Trình tiết’ đời con gái của chị H, đây là sự thiệt thòi rất lớn cho chị H. Nhưng chị H không có yêu cầu gì về việc này trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do đó, tính về phần lỗi thì anh M là người có lỗi hoàn toàn trong sự việc này nên khi xem xét chia tài sản chung thì anh M phải chịu trách nhiệm trước phần lỗi của mình. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quyền, nghĩa vụ đối với tài sản giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này. Khi giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phần tài sản chung được chia theo tỉ lệ 3:7, anh Phạm Tô M được hưởng 03 (Ba) lượng vàng 24kara 10T, chị Nguyễn Thị Bích H được hưởng 07 (Bảy) lượng vàng 24kara 10T. Chị Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ chia cho anh Phạm Tô M giá trị 03 (Ba) lượng vàng 24kara 10T là 159.000.000đ (30 chỉ x 5.300.000đ/chỉ, một trăm năm mươi chín triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp.

[7] Chị H không có yêu cầu gì với anh M về 06 (Sáu) lượng vàng 24kara 10T mà chị đã cho anh M mượn trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Xét yêu cầu đòi lại tài sản của nguyên đơn anh Phạm Tô M với bà Nguyễn Thị Bích D. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với 01 (Một) tủ quần áo bằng gỗ thông, giá 9.500.000đồng; 01 (Một) Bộ bàn ăn bằng gỗ thông (gồm 01 bàn và 06 ghế), giá 6.000.000đồng; 01 (Một) Giường ngủ bằng gỗ thông, giá 7.000.000đồng, bà D thừa nhận trước đây là tài sản của anh M. Trong khi anh M không thừa nhận là đã cho bà mà cho rằng chỉ để tạm nhà bà D. Bà D thừa nhận hiện bà đang quản lý các tài sản trên và cho rằng anh M đã cho bà D các tài sản trên nhưng bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh các tài sản trên là do anh M đã cho bà. Do đó, việc anh M yêu cầu bà D trả cho anh M giá trị 01 (Một) tủ quần áo bằng gỗ thông, giá 9.500.000đồng; 01 (Một) Bộ bàn ăn bằng gỗ thông (gồm 01 bàn và 06 ghế), giá 6.000.000đồng; 01 (Một) Giường ngủ bằng gỗ thông, giá 7.000.000đồng. Tổng cộng 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với 01 (Một) cái Ipad pro mà anh đã cho chị H trước ngày đính hôn; 01 (Một) cặp nhẫn cưới vàng 02 (Hai) chỉ vàng 18 kara; Số tiền mặt 50.000.000đồng là tiền đồng trong ngày Lễ đính hôn; Tiền kinh doanh cá bột là 39.000.000đồng; Tiền kinh doanh cá giống là 200.000.000đồng; 01 (Một) Laptop

hiệu Dell; 01 (Một) ông Thần Tài bằng vàng, trọng lượng 01 (Một) chỉ vàng SJC; 01 (Một) Iphone 11pro; 01 (Một) Ti vi Smart TV Samsung 50 in; 01 (Một) Máy giặt Samsung Inverter; 01 (Một) Máy quạt điều hòa Boss S -102; 01 (Một) bếp ga Rinnai; 01 (Một) Máy bơm nước rửa xe áp lực Karcher k2 – 360. Anh M tự nguyện rút lại yêu cầu về các tài sản này đối với chị Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Bích D. Nên Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu của anh Phạm Tô M về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Bích D chia và trả cho anh các tài sản trên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Bảo G không có yêu cầu gì với anh M và chị H về 10 lượng vàng 24kara 10T trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về nợ chung: Không có.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ nên chấp nhận.

[13] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là chưa có căn cứ đầy đủ nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 28, Điều 35, Điều 91, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 3, Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a và b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Tô M với chị Nguyễn Thị Bích H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Phạm Tô M. Buộc chị Nguyễn Thị Bích H chia tài sản chung cho anh M giá trị 03 (Ba) lượng vàng

24kara 10T là 159.000.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng). Chị Nguyễn Thị Bích H được hưởng 07 (Bảy) lượng vàng 24kara 10T mà chị H đang quản lý.

4. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Tô M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích D trả lại giá trị tài sản cho anh. Buộc bà Nguyễn Thị Bích D trả cho anh M 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng, là giá trị một tủ quần áo bằng gỗ thông; Một bộ bàn ăn bằng gỗ thông, gồm 01 bàn và 06 ghế; Một giường ngủ bằng gỗ thông).

5. Đình chỉ yêu cầu của anh Phạm Tô M về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Bích D chia và trả cho anh 01 (Một) cái Ipad pro; 01 (Một) cặp nhẫn cưới vàng 02 (Hai) chỉ vàng 18 kara; Số tiền mặt 50.000.000đồng; Tiền kinh doanh cá bột là 39.000.000đồng; Tiền kinh doanh cá giống là 200.000.000đồng; 01 (Một) Laptop hiệu Dell; 01 (Một) ô tô Thần Tài bằng vàng, trọng lượng 01 (Một) chỉ vàng SJC; 01 (Một) Iphone 11pro; 01 (Một) Ti vi Smart TV Samsung 50 in; 01 (Một) Máy giặt Samsung Inverter; 01 (Một) Máy quạt điều hòa Boss S -102; 01 (Một) bếp ga Rinnai; 01 (Một) Máy bơm nước rửa xe áp lực Karcher k2 – 360.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về nợ chung: Không có.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc anh Phạm Tô M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

+ Buộc anh Phạm Tô M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (phần tài sản chung được hưởng) là 7.950.000đ (Bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ 16.511.000đ (Mười sáu triệu năm trăm mười một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06842 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Anh Phạm Tô M được nhận lại 8.261.000đ (Tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng).

+ Buộc chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (phần tài sản chung được hưởng) là 18.550.000đ (Mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (phần trả lại tài sản) là 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Do tài sản chung được hưởng theo tỉ lệ 3:7 và yêu cầu đòi lại tài sản của anh M được chấp nhận nên anh Phạm Tô M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng, chị Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Bích D phải liên đới chịu 700.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng. Do đó, chị Nguyễn Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Bích D có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Phạm Tô M 700.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng vì anh M đã tạm ứng trước và đã chi xong. Phần còn dư ra 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) anh Phạm Tô M được nhận lại và anh M đã nhận lại xong.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo